

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 4 NĂM 2023 CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG KHÁNH HÒA

1. Tình hình sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 4/2023 tăng 0,95% so với tháng trước, tăng 8,94% so với cùng kỳ năm trước; Tính chung 4 tháng đầu năm 2023 tăng 5,66% so cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

- Công nghiệp khai khoáng giảm 22,94%;
- Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82%;
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hoà không khí tăng 6,18%;
- Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,3%;

Một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có chỉ số sản xuất 4 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất đường tăng 30,45%; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 17,31%; Sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 14,06%; Sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 18,11%; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 100,45%; Sản xuất máy chuyên dụng khác tăng 12,96%; Dệt tăng 9,73%...

Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có chỉ số sản xuất tăng thấp hoặc giảm như: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 1,57%; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) tăng 1,54%; Sản xuất trang phục giảm 6,18%; Sản xuất chế biến thực phẩm giảm 14,33%...

1.2. Một số sản phẩm chủ yếu

Một số sản phẩm chủ yếu có sản lượng sản xuất 4 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm trước: Đường RE tăng 156,28%; Đá granit, pophia, bazan tăng 86,60%; Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn) tăng 112,13%; Thuốc lá có đầu lọc tăng 14,06%; Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên tăng 9,73%; Nước yến và nước bổ dưỡng khác tăng 17,31%; Bia đóng lon tăng 7,51%; Điện sản xuất tăng 4,14%; ...



Một số sản phẩm có sản lượng sản xuất giảm như: Bia đóng chai giảm 0,53%; Đá xây dựng khác giảm 24,31%; Cá khác đông lạnh giảm 15,49%; Tôm đông lạnh giảm 12,67%.

2. Tình hình hoạt động thương mại

2.1. Thị trường trong tỉnh

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 4/2023 đạt 8.507,29 tỷ đồng, tăng 0,48% so với tháng trước, tăng 8,61% so với cùng kỳ năm trước; Tính chung 4 tháng đầu năm 2023 đạt 34.369,66 tỷ đồng, tăng 17,45% so với cùng kỳ năm trước và đạt 36,18% so với kế hoạch năm 2023.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2023 giảm 0,16% so với tháng trước; tăng 2,59% so với cùng kỳ năm trước; giảm 1,73% so với tháng 12 năm trước. CPI bình quân 4 tháng đầu năm 2023 tăng 4,33% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

2.2. Xuất nhập khẩu

a) Xuất khẩu:

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn toàn tỉnh tháng 4/2023 đạt 162,55 triệu USD, tăng 29,69% so với tháng trước, tăng 34,92% so với cùng kỳ năm trước; Tính chung 4 tháng đầu năm 2023 đạt 532,82 triệu USD, tăng 7,56% so với cùng kỳ năm trước và đạt 30,45% so với kế hoạch năm 2023.

Trong đó:

- Kinh tế nhà nước đạt 18,71 triệu USD, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước.
- Kinh tế tư nhân ước đạt 236,15 triệu USD, giảm 23,81%.
- Kinh tế tập thể ước đạt 420 ngàn USD, giảm 62,77%.
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 277,54 triệu USD, tăng 64%.

Các nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ yếu cụ thể như sau: Tàu biển xuất 06 chiếc với trị giá 206,2 triệu USD, gấp 2,35 lần; Gỗ đạt 18,22 triệu USD, tăng 26,51%; Cà phê xuất 22.790 tấn với trị giá 43,63 triệu USD, tăng 3,55% về giá trị; Sản phẩm mây tre lá đạt 1,72 triệu USD, giảm 9,19%; Hàng dệt may đạt 32,1 triệu USD, giảm 18,33%; Hàng thủy sản xuất 28.220 tấn các loại với trị giá 182,27 triệu USD, giảm 31,9% về giá trị; Sản phẩm gỗ đạt 6,93 triệu USD, giảm 34,95% so với cùng kỳ năm trước.

b) Nhập khẩu:

Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn toàn tỉnh tháng 4/2023 đạt 104,2 triệu USD, giảm 4,78% so với tháng trước, tăng 5,67% so với cùng kỳ năm trước; Tính chung 4 tháng đầu năm 2023 đạt 345,01 triệu USD, giảm 44,84% so với cùng kỳ năm trước và đạt 29,87% so với kế hoạch năm 2023.

Trong đó:

- Kinh tế nhà nước đạt 17,86 triệu USD, giảm 31,49% so với cùng kỳ năm trước;
- Kinh tế tư nhân đạt 118,79 triệu USD, giảm 4,72%;
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 208,36 triệu USD, giảm 56,11%;

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất và xuất khẩu như: Nguyên liệu thủy sản nhập 106,64 triệu USD, giảm 1,18%; Sắt thép các loại nhập 50,11 triệu USD, tăng 3,78%; Nguyên phụ liệu dệt may nhập 10,39 triệu USD, giảm 26,14%; Nguyên phụ liệu sản xuất thức ăn gia súc nhập 6,4 triệu USD, giảm 20,4%; Nguyên phụ liệu sản xuất thuốc lá nhập 16,18 triệu USD, giảm 29,84%; Máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng nhập 47,37 triệu USD, giảm 87,4% so với cùng kỳ năm trước.

3. Công tác quy hoạch, kế hoạch

- Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 3025/KH-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Xây dựng Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan có ý kiến góp ý.

- Xây dựng danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Công Thương thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh.

- Hoàn thành công tác xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Công Thương.

- Báo cáo Cục Công Thương địa phương về tình hình và đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất và hoạt động thương mại.

- Báo cáo tình hình ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT sản xuất trong nước sử dụng ngân sách Nhà nước.

4. Công tác quản lý công nghiệp - môi trường

4.1. Công tác quản lý nhà nước

- Ban hành các Quyết định: (1) Nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường ngành Công Thương năm 2022; (2) Giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch khuyến công tỉnh Khánh Hòa năm 2023; (3) Thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2023 đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Ban hành Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” ngành công thương năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công gửi Bộ Công Thương.

- Báo cáo UBND tỉnh về việc nổ mìn khai thác đá tại 03 mỏ đá gần tuyến đường cao tốc Nha Trang – Cam Lâm.

- Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Khánh Hòa năm 2023.

- Thực hiện các báo cáo: (1) Kết quả triển khai thực hiện Luật Phòng cháy, chữa cháy, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy, chữa cháy và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ; (2) Tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 99/2019/QH14 của Quốc Hội về phòng cháy, chữa cháy; (3) Tình hình thực hiện Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh; (4) Công tác quản lý và phát triển cấp, thoát nước thuộc lĩnh vực quản lý.

- Đề nghị các đơn vị liên quan cung cấp thông tin về tình hình thực hiện, kết quả hoạt động của các dự án đầu tư trong Cụm công nghiệp (CCN), dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN Đặc Lộ phục vụ cung cấp thông tin cho Kiểm toán nhà nước khu vực VIII.

- Đề nghị UBND huyện Diên Khánh giải trình nội dung góp ý của các cơ quan đối với hồ sơ Báo cáo đầu tư thành lập CCN Diên Thọ (giai đoạn 2); các Sở, ngành liên quan góp ý dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN Diên Thọ (giai đoạn 2) và cử đại diện lãnh đạo tham gia thành viên Hội đồng.

- Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến đối với Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường năm 2023.

4.2. Công tác khuyến công

Đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia năm 2023.

5. Công tác quản lý năng lượng

- Thực hiện các báo cáo: (1) Số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính ngành Công Thương các năm 2020 và 2022; (2) Kết quả thực hiện “Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030” năm 2023 và xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2024.

- Triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 114/TB-UBND ngày 22/3/2023 Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lê Hữu Hoàng tại cuộc họp nghe báo cáo việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm.

- Thẩm định quy trình vận hành hồ chứa công trình thủy điện Ea Krong Rou.
- Thẩm định thiết kế - dự toán các hạng mục di dời điện.

6. Công tác quản lý thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế

6.1. Công tác quản lý nhà nước

- Ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình phát triển thương mại điện tử năm 2023.

- Trình UBND tỉnh ban hành: (1) Quyết định Quy định về một số nội dung quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; (2) Phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, sử dụng điểm kinh doanh đối với các hộ tiểu thương còn lại trong chợ Đầm Tròn di dời vào chợ Đầm mới; (3) Kế hoạch Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại 2023 và Chương trình Festival Biển Nha Trang – Khánh Hòa 2023.

- Thẩm định các tiêu chí nông thôn mới thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương đối với xã Diên Đồng, Diên Lạc và Diên Phước thuộc huyện Diên Khánh, xã Ninh Đông thuộc thị xã Ninh Hòa và xã Vạn Phú thuộc huyện Vạn Ninh.

6.2. Hoạt động xúc tiến thương mại

- Tổ chức gian hàng giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ và triển lãm hình ảnh về thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa tại Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư tỉnh Khánh Hòa năm 2023.

- Tổ chức gian hàng trưng bày sản phẩm giới thiệu tỉnh Khánh Hòa tại Hội nghị hợp tác giữa các địa phương Việt Nam và Pháp lần thứ 12 tổ chức tại thành phố Hà Nội.

- Phối hợp Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị kết nối giao thương giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung bộ; tổ chức hoạt động trưng bày, triển lãm xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch của tỉnh trong khuôn khổ Hội nghị trong khuôn khổ Chương trình Tổng kết hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

7. Công tác thanh tra

- Ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023.

- Thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực hóa chất; Ban hành Kết luận thanh tra trong lĩnh vực quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

- Thực hiện các báo cáo: (1) Kết quả rà soát tồn tại, hạn chế qua rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội năm 2022; (2) Tổng kết 05 năm thực hiện “Đề án

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn 2018-2022; (3) Tình hình thực hiện công tác bồi thường nhà nước.

- Thực hiện các báo cáo định kỳ: (1) Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng; (2) Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại; (3) Kết quả tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; (4) Báo cáo kết quả triển khai công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2022.

8. Công tác cải cách hành chính

- Ban hành Kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC năm 2022, giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC năm 2023.

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt cải cách TTHC, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với siết chặt kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ; đẩy mạnh các ứng dụng trực tuyến để hiện đại hóa quản lý, điều hành và phục vụ nhân dân; tăng cường hỗ trợ cho nhà đầu tư và doanh nghiệp; nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của Sở;

- Đẩy mạnh thực hiện việc tiếp nhận giải quyết TTHC trực tuyến qua mạng Internet nhằm tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp. Tiếp tục và nâng cao hiệu quả triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào giải quyết công việc đối với các TTHC theo quy định;

- Tháng 4/2023, Sở Công Thương đã tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC cho các cá nhân, doanh nghiệp, kết quả như sau:

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 2.555 hồ sơ;

+ Số hồ sơ đã giải quyết: 2.543 hồ sơ. Trong đó, hồ sơ giải quyết trực tuyến: 2.397 hồ sơ; cụ thể như sau:

- Hồ sơ giải quyết sớm hạn và đúng hạn: 2.543, đạt tỷ lệ 99,53%;

- Hồ sơ giải quyết trễ hạn: không

- Hồ sơ hủy: 02 không

+ Số hồ sơ đang trong thời gian giải quyết: 12 hồ sơ

Trong tháng 4 năm 2023, Sở Công Thương giải quyết đầy đủ, sớm và đúng thời hạn hồ sơ TTHC. Số lượng hồ sơ trực tuyến của Sở thực hiện là 2.397 hồ sơ, đạt tỷ lệ 94,26% tổng số hồ sơ đã giải quyết.

9. Một số công tác trọng tâm tháng 5/2023

- Trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN Diên Thọ (giai đoạn 2).

- Hoàn thành thẩm định Báo cáo thành lập CCN Diên Thọ (giai đoạn 2); Báo cáo, đề xuất UBND tỉnh tổ chức họp Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN Diên Thọ (giai đoạn 2).

- Báo cáo kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2023 đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại Khánh Hòa năm 2023 từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương.

- Trung tâm Khuyến công và XTTM kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các Đề án khuyến công làm cơ sở trình cấp thẩm quyền phê duyệt đề án khuyến công địa phương năm 2023.

- Phối hợp Trường Cao đẳng thương mại – Đà Nẵng, Bộ Công Thương tổ chức lớp bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu; Lớp huấn luyện kỹ thuật an toàn đối với hoạt động kinh doanh khí.

- Các hoạt động khuyến công: (1) Tổ chức lớp tập huấn phổ biến chính sách thuế và quy định về hóa đơn điện tử; (2) Thực hiện chương trình Khuyến công trên Truyền hình chủ đề “*Tuyên truyền kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Khánh Hòa năm 2023*”.

- Tổ chức đoàn doanh nghiệp tham gia Hội nghị kết nối giao thương giữa nhà cung cấp khu vực miền Trung - Tây Nguyên với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại tại Thành phố Đà Nẵng.

- Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong kinh doanh khí hóa lỏng. / *Đ.N*

Nơi nhận: (VBĐT)

- Bộ Công Thương;
- Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh (b/c);
- Cục Công Thương ĐP;
- Vụ Kế hoạch;
- Vụ Thị trường trong nước;
- Sở KH&ĐT;
- Sở Xây dựng (Trưởng KTD);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu :VT, VP (VA).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Sanh Đương

**TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU
THÁNG 04 NĂM 2023**

	ĐVT	KH 2023	TH tháng 3/2023	TH Quý I năm 2023	U' TH tháng 4/2023	U' TH 4 tháng/2023	SS 04 th cùng kỳ 2022	SS KH 2023
Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tỉnh	1000 USD	1.750.000	125.330	370.274	162.546	532.820	107,56	30,45
- Quốc doanh			3.974	14.457	4.253	18.710	124,01	
- Tư nhân			67.160	167.652	68.498	236.150	76,19	
- HTX			115	289	131	420	37,23	
- FDI			54.081	187.876	89.664	277.540	164,02	
Mặt hàng xuất khẩu								
- Thủy sản: SL	Tấn		7.826	20.006	8.214	28.220	77,71	
	1000USD		51.931	127.768	54.502	182.270	68,10	
- Hàng dệt, may	1000USD		7.974	24.603	7.497	32.100	81,67	
- SP mây tre lá	1000USD		549	1.019	701	1.720	90,81	
- Cà phê	Tấn		6.990	16.726	6.064	22.790	108,14	
	1000USD		14.061	32.334	11.296	43.630	103,55	
- Gỗ	1000USD		2.200	13.721	4.499	18.220	126,51	
- SP gỗ	1000USD		1.717	4.429	2.501	6.930	65,05	
- SP Thuốc lá	1000USD		3.291	11.393	3.297	14.690	134,02	
- Đóng tàu	1000USD		34.900	136.400	69.800	206.200	235,40	
Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn tỉnh	1000 USD	1.155.000	109.430	240.810	104.200	345.010	55,16	29,87
- Quốc doanh			4.962	11.659	6.201	17.860	68,51	
- Tư nhân			30.060	86.288	32.502	118.790	95,28	
- FDI			74.408	142.863	65.497	208.360	43,89	
Mặt hàng nhập khẩu								
- MMTB, phụ tùng	1000USD		15.136	38.023	9.347	47.370	12,60	
- NPL thuốc lá	1000USD		4.526	10.481	5.699	16.180	70,16	
- NPL dệt may	1000USD		2.771	7.472	2.918	10.390	73,86	
- Thủy sản	Tấn		8.302	25.826	8.704	34.530	98,51	
	1000USD		26.242	79.138	27.502	106.640	98,82	
- NPL+ TẤ chắn nuôi	1000USD		2.041	4.302	2.098	6.400	79,60	
- Sắt thép các loại	Tấn		16.141	43.226	14.104	57.330	130,25	
	1000USD		15.443	38.614	11.496	50.110	103,78	
-Dược phẩm và NPL	1000USD		538	1.171	549	1.720	98,06	
-Than đá	Tấn		91.730	91.730	79.750	171.480		
	1000USD		30.089	30.089	34.001	64.090		

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ

Tháng 4 năm 2023

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chi tiêu	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
		Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo so với thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo so với thực hiện cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	8.466,89	8.507,29	34.369,66	7.833,01	29.263,10	100,48	108,61	117,45
	Bán lẻ hàng hóa	5.762,17	5.774,00	22.931,97	5.197,40	20.177,19	100,21	111,09	113,65
	Ăn uống	1.173,86	1.235,40	5.062,85	1.141,25	3.927,44	105,24	108,25	128,91
	Lưu trú	350,66	370,00	1.566,26	275,20	710,76	105,52	134,45	220,36
	Du lịch	124,65	148,30	519,82	72,57	293,71	118,97	204,37	176,98
	Dịch vụ khác	1.055,56	979,59	4.288,77	1.146,61	4.154,00	92,80	85,43	103,24